

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Truyền động điện (22807501)

Ngày thi: 03/07/2024

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A305

Số SV có mặt: 31

Số bài thi: 31

Số tờ giấy thi: 33

STT	Mã SV	Họ và Tên	Anh	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122050070	Thiên Đại	Anh	11/08/2004	CCQ2205C	1		6.3	2.0	3.7	
2	2122150028	Lê Tấn	Bằng	29/09/2004	CCQ2215A	1		8.4	5.5	6.7	
3	2122150013	Nguyễn Quốc	Bảo	29/05/2004	CCQ2215A	1		8.6	7.5	7.9	
4	2121050077	Bùi Xuân	Chiến	25/09/2003	CCQ2105A	1		7.7	0.5	3.4	
5	2121050027	Đoàn Huỳnh Hữu	Chương	29/03/2003	CCQ2105A	1		5.3	1.5	3.0	
6	2122050043	Đặng Quốc	Cường	18/03/2004	CCQ2205B	1		6.9	2.5	4.3	
7	2122050022	Mai Quang	Đại	10/06/2004	CCQ2205A	1		8.0	3.5	5.3	
8	2123050171	Nào Văn	Diên	02/05/2005	CCQ2305D			0.0			
9	2122050062	Nguyễn Trung	Đức	16/01/2003	CCQ2205B	1		8.0	4.0	5.6	
10	2122050040	Vũ Văn Hùng	Dũng	23/09/2003	CCQ2205B	1		7.0	1.5	3.7	
11	2121050057	Hòa Ngọc	Hải	22/02/2002	CCQ2105B	1		7.6	1.5	3.9	
12	2122050012	Huỳnh Ngô Phước	Hải	26/03/2004	CCQ2205A			0.0			
13	2122050120	Phạm Thanh	Hải	25/01/2004	CCQ2205A	1		6.9	0.5	3.1	
14	2122050119	Trương Minh	Hiển	16/11/2024	CCQ2205A	1		5.9	2.0	3.6	
15	2121150004	Ngô Văn	Hiệp	26/01/2003	CCQ2115A	1		7.3	7.5	7.4	
16	2123150096	Trần	Hoàng	24/05/2005	CCQ2315C	1		7.5	6.5	6.9	
17	2122150018	Đinh Văn	Huy	27/02/2004	CCQ2215A	02		7.4	4.0	5.4	
18	2122150043	Giả Tấn	Huyền	17/06/2004	CCQ2215A	02		8.5	5.5	6.7	
19	2122050046	Đoàn Minh	Khải	29/07/2004	CCQ2205B	1		7.9	4.0	5.6	
20	2121050043	Châu Quốc	Khánh	02/09/2003	CCQ2105B	1		5.6	0.0	2.2	
21	2121050062	Nguyễn Tự	Lập	10/08/2003	CCQ2105B	1		5.8	0.0	2.3	
22	2122050094	Nguyễn Văn	Minh	02/10/2004	CCQ2205C	1		7.9	6.0	6.8	
23	2121050065	Trịnh Văn	Minh	17/10/2003	CCQ2105B	1		7.4	5.5	6.8	
24	2122050015	Trương Đức	Ngọc	17/09/2004	CCQ2205A	1		6.9	4.0	5.2	
25	2122050067	Nguyễn Tấn Gia	Nguyễn	30/04/2004	CCQ2205B	1		8.0	8.5	8.3	
26	2122050076	Lương Văn	Nhân	20/02/2004	CCQ2205C	1		5.5	5.5	5.5	
27	2122050136	Trần Khắc	Nhân	24/03/2004	CCQ2205B	1		8.0	6.5	7.1	
28	2122050068	Nguyễn Hữu	Phát	19/02/2003	CCQ2205B	1		8.5	6.5	7.3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Môn học: Truyền động điện (22807501)

Ngày thi: 03/07/2024

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A401

Số SV có mặt: 26

Số bài thi: 26

Số tờ giấy thi: 34

STT	Mã SV	Họ và Tên	Quê	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D. QT (40%)	D. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122050049	Đặng Minh	Quận	17/06/2004	CCQ2205B	2	Quân	8.4	7.5	7.9	
2	2122050056	Lê Thanh	Quang	24/11/2004	CCQ2205B	1	Thanh	8.2	7.5	7.8	
3	2121050066	Đoàn Ngọc	Quế	29/09/2003	CCQ2105B	2	Quế	7.0	5.5	6.1	
4	2122050135	Nguyễn Hoàng	Quốc	08/03/2004	CCQ2205A	1	Hoàng	8.0	7.5	7.7	
5	2122150017	Trần Khánh	Quốc	27/10/2004	CCQ2215B	1	Quốc	8.0	3.0	5.0	
6	2122050018	Trương Tấn	Tài	02/01/2004	CCQ2205A	2	Tấn	7.9	4.5	5.9	
7	2121050044	Từ Tịnh	Tâm	31/05/2003	CCQ2105B	1	Tịnh	6.3	6.0	6.1	
8	2121050054	Đặng Đức	Tân	17/06/2003	CCQ2105B	1	Đức	7.0	5.5	6.1	
9	2122050007	Nguyễn Duy	Tân	20/01/2004	CCQ2205A	2	Duy	7.3	9.0	8.3	
10	2122050051	Tô Đình	Thành	18/06/2004	CCQ2205B	1	Đình	8.4	4.0	5.8	
11	2121050028	Nguyễn Sỹ	Thiện	13/02/2002	CCQ2105A	1	Sỹ	6.9	6.5	6.7	
12	2122050061	Huỳnh Quốc	Thịnh	03/07/2004	CCQ2205B	2	Quốc	8.2	9.5	9.0	
13	2121050052	Lê Minh	Thuận	13/02/2003	CCQ2105B			6.4			
14	2121050015	Nguyễn Minh	Tiến	18/06/2003	CCQ2105A	2	Minh	7.3	8.5	8.0	
15	2122050006	Nguyễn Duy	Tiền	09/01/2003	CCQ2205A	2	Duy	8.0	1.0	3.8	
16	2122150042	Đặng Công	Trình	26/04/2004	CCQ2215B	1	Công	8.5	5.0	6.4	
17	2122050066	Hồ Mạnh	Trình	27/03/2004	CCQ2205B	1	Mạnh	7.9	2.5	4.7	
18	2121050048	Trần Trung	Trực	01/10/2002	CCQ2105B	1	Trung	6.0	1.5	3.3	
19	2122050114	Nguyễn Văn	Trưởng	08/03/2004	CCQ2205B	1	Văn	7.8	1.0	3.7	
20	2121050029	Võ Thành	Tuân	17/11/2003	CCQ2105A	1	Thành	8.0	2.0	4.4	
21	2122050016	Hồ Minh	Tuấn	22/08/2004	CCQ2205A	1	Minh	6.3	2.5	4.0	
22	2122050024	Nguyễn Văn	Tuấn	24/08/2004	CCQ2205A	1	Văn	5.5	1.0	2.8	
23	2122050010	Nguyễn Quốc	Việt	17/05/2004	CCQ2205A	1	Quốc	7.4	3.0	4.8	
24	2122150096	Tô Tuấn	Việt	14/10/2004	CCQ2215B	2	Tuấn	8.5	7.5	7.9	
25	2120050096	Đạt Đại Hoàng	Vũ	17/07/2002	CCQ2005C	1	Đại	5.4	3.0	4.0	
26	2122110207	Nguyễn Trí Tuấn	Vũ	14/03/2004	CCQ2205B	1	Trí	7.5	3.0	4.8	
27	2121050024	Hồ Thanh	Xuân	25/01/2003	CCQ2105A	1	Thanh	5.1	7.0	6.2	